TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 420/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 8 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chào;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương Đ, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: Ấp Bình Ch2, xã Bình M, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Ấp Bình Ch2, xã Bình M, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Đ trình bày: Chị và anh Đ1 do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình M vào năm 2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Đ1 thường chơi số đề, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị Đ đã khuyên anh Đ1 Nh lần nhưng anh đánh đập, chửi mắn chị chị Nh lần, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng

không còn tình cảm nên chị Đ xin ly hôn với anh Đ1. Về con chung: Chị Đ và anh Đ1 chung sống có 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 12/6/2007 ,hiện con chung đang ở với chị Đ, ly hôn chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Đ1, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Đ1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận Đ1 ý kiến của anh Đ1.

Tại phiên tòa, chị Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ1, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán Đ1 phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của chị Đ và anh Đ1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn Đ1, mục đích hôn nhân không đạt Đ1, nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Đ1 là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 12/6/2007 sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Nh do chị chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, theo nguyện vọng của con chung, giao cháu Nh cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Đ không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn Đ1 có hộ khẩu thường trú tại xã Bình M, huyện CP. Chị Đ khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn anh Đ1 Đ1 Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh Đ1 chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình M, huyện CP nên Đ1 pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc Đ1 một thời gian, nhưng thời gian sau chị Đ và anh Đ1 xảy ra mâu thuẫn, anh Đ1 không quan tâm đến vợ con, thường chửi mắn vợ con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Đ xin ly hôn với anh Đ1. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Đ kiên quyết xin ly hôn với anh Đ1. Tòa án đã triệu tập anh Đ1 để tiến hành hòa giải nhưng anh Đ1 không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ1 không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

- Về con chung: Chị Đ và anh Đ1 chung sống có 01 con chung tên tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 12/6/2007 đang ở với chị Đ. Ly hôn, chị Đ yêu cầu nuôi con chung. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Nh do Đ chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung, theo nguyện vọng của con chung muốn ở với chị Đ. Hội đồng xét xử chấp nhận giao Nh cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai Đ1 cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Thủy không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Đ được ly hôn với anh Trần Văn Đ1.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 12/6/2007cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001141 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định Đ1 thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ1 thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã Bình M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ